

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: SINH HỌC. LỚP 9
Năm học: 2023 – 2024

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Các cấp độ nhận thức				
			<i>Nhận biết</i>		<i>Thông hiểu</i>	<i>Vận dụng</i>	<i>Vận dụng cao</i>
			Số câu TN	Số câu TL	Số câu TL	Số câu TL	Số câu TL
1	Nhiễm sắc thể	1.1 Nhiễm sắc thể	2		1		
		1.2 Nguyên phân					
		1.3 Giảm phân					
		1.4 Phát sinh giao tử và thụ tinh					
		1.5 Cơ chế xác định giới tính					
2	ADN và gen	2.1 ADN	6				
		2.2 ADN và bản chất của gen					
		2.3 Mối quan hệ giữa gen và ARN					
		2.4 Protein					
3	Biến dị	3.1 Đột biến gen	4		1/2		

		3.2 Đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể					
		3.3 Đột biến số lượng nhiễm sắc thể				1/2	
		3.4 Thường biến					
4	Di truyền học người	4.1 Phương pháp nghiên cứu di truyền người		1		1/2	1/2
		4.2 Bệnh và tật di truyền ở người					
Tổng			12	1	1,5	1	0,5
T/số điểm			3	1	3	2	1
Tỉ lệ %			30%	10 %	30 %	20 %	10 %
Tỉ lệ chung%			40%		30%	20 %	10 %

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN SINH HỌC LỚP 9 – THỜI GIAN LÀM BÀI 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Nhiễm sắc thể	1.2 Nguyên phân	Nhận biết - Nhận biết được hình thái của NST qua các kì của quá trình phân bào nguyên phân - Nêu ý nghĩa của nguyên phân	2			
		1.3 Giảm phân	Nhận biết Nhận biết được hình thái của NST qua các kì của quá trình phân bào giảm phân - Nêu ý nghĩa của giảm phân				
		1.4 Phát sinh giao tử và thụ tinh	Nhận biết - Nêu ý nghĩa của thụ tinh				
		1.1 Nhiễm sắc thể	Nhận biết Nhận biết được 1 số đặc điểm của NST (C4,10- TN) Thông hiểu Phân biệt được NST tương đồng và NST kép				
		1.5 Cơ chế xác định giới tính	Thông hiểu - Phân biệt được NST giới tính với		1		

			NST thường - Giải thích cơ chế NST xác định giới tính và tỷ lệ đực cái				
2	ADN và gen	2.1 ADN	Nhận biết - Chỉ ra được các đơn phân của ADN - Nguyên tắc bổ sung	6			
		2.2 ADN và bản chất của gen	Nhận biết - Nêu được khái niệm gen				
		2.3 Mối quan hệ giữa gen và ARN	Nhận biết - Chỉ ra được các đơn phân của ARN - Nguyên tắc bổ sung				
		2.4 Protein	Nhận biết Chỉ ra được các đơn phân của Protein				
3	Biến dị	3.1 Đột biến gen	Nhận biết - Nêu được nguyên nhân gây đột biến gen - Nhận biết được vị trí xảy ra đột biến gen	4			
		3.2 Đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể	Nhận biết - Nêu được khái niệm - Nhận biết được vai trò của Đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể				

		3.3 Đột biến số lượng nhiễm sắc thể	Nhận biết - Nêu được khái niệm - Biết các dạng đột biến thể dị bội, đặc điểm của các dạng đó Thông hiểu: Giải thích được cơ chế hình thành thể 3 nhiễm và thể 1 nhiễm Vận dụng - Xác định và tính được bộ NST của các cơ thể biến dị - Vận dụng kiến thức về biến dị để làm bài tập	1/2	1/2	1/2	
		3.4 Thường biến	Nhận biết - Nêu được khái niệm Thông hiểu - Phân biệt BD DT và BD không DT				
4	Di truyền học người	4.1 Phương pháp nghiên cứu di truyền người	Vận dụng Vận dụng kiến thức về di truyền học người để làm bài tập			1/2	1/2
		4.2 Bệnh và tật di truyền ở người	Nhận biết Nêu được nguyên nhân, các biện pháp hạn chế phát sinh bệnh và tật di truyền ở người Vận dụng cao Tổng hợp kiến thức về di truyền học người để làm bài tập và giải thích 1 số bệnh DT người	1			
Tổng				13 (12 TN + 1 TL)	1,5	1	0,5

ĐỀ CHÍNH THỨC **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**
NĂM HỌC: 2023 - 2024
MÔN: SINH HỌC – Lớp 9

Thời gian: 45 phút (Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Chọn chữ cái trước đáp án đúng nhất trong các câu sau và ghi vào phần bài làm

1. Đơn phân của ARN là những loại nucleotit nào?
A. C,H,O,N,P
B. A,T,G,X
C. A,U,G,X
D. A,U,T,X
2. Theo nguyên tắc bổ sung thì các nucleotit nào trong ADN liên kết với nhau thành từng cặp?
A. A-G; T-X
B. A-U; T-X
C. A-T; G-X
D. X-A; G-T
3. Số mạch đơn của ADN là
A. 1
B. 2
C. 3
D. 4
4. Trong tế bào ở các loài sinh vật, NST có dạng
A. hình que
B. hình hạt
C. hình chữ V
D. nhiều hình dạng
5. Nguyên nhân phát sinh đột biến gen là
A. do di truyền
B. do tác nhân hóa học
C. do rối loạn quá trình tự sao chép của phân tử ADN; môi trường trong; môi trường ngoài cơ thể
D. do khí hậu.
6. Trong các dạng sau đâu là thể đa bội?
A. $3n$ NST
B. $(2n+1)$ NST
C. $(2n-1)$ NST
D. $(2n-1-1)$ NST
7. Loại ARN nào có chức năng vận chuyển axit amin?
A. tARN
B. mARN
C. rARN
D. Cả 3 loại trên
8. Theo NTBS thì về mặt số lượng đơn phân trong trường hợp nào sau đây là đúng?
A. $A + T = G + X$
B. $A = T; G = X$
C. $A + T + G = A + X + X$
D. $G + T + G = A + X + T$

9. Gen là một đoạn của phân tử

- A. glucit
- B. lipit
- C. ADN
- D. prôtein

10. Trong quá trình nguyên phân, có thể quan sát rõ nhất hình thái NST ở

- A. kì trung gian
- B. kì đầu
- C. kì giữa
- D. kì sau

11. Đột biến gen là những biến đổi xảy ra ở

- A. gen
- B. nhân tế bào
- C. tế bào chất
- D. phân tử ARN

12. Vai trò của đột biến cấu trúc NST là gì?

- A. Thường có lợi
- B. Tất cả có lợi
- C. Thường có hại
- D. Tất cả có hại

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1 (1,0 điểm): Nêu các biện pháp hạn chế phát sinh bệnh và tật di truyền ở người?

Câu 2 (1,0 điểm): Phân biệt NST giới tính và NST thường?

Câu 3 (3,0 điểm)

a) Giải thích cơ chế hình thành thể dị bội có $(2n + 1)$ và $(2n - 1)$ NST?

b) Tế bào lưỡng bội của người có $(2n = 46)$ NST. Có 3 bệnh nhân thuộc các thể đột biến khác nhau kí hiệu là A, B, C. Phân tích tế bào học các thể đột biến này thu được kết quả:

Thể đột biến	Số NST đếm được trong cặp số 21	Số NST đếm được trong cặp số 23 (Cặp NST giới tính)
A	3	2
B	2	1
C	2	3

Tên gọi của 3 thể đột biến là gì? Số lượng bộ NST của bệnh nhân A, B, C là bao nhiêu?

Câu 4 (2,0 điểm)

a) Một đứa trẻ bị mắc bệnh máu khó đông có 1 người em trai sinh đôi bình thường (không mắc bệnh). Theo em hai trẻ sinh đôi nói trên là sinh đôi cùng trứng hay khác trứng? Giải thích?

b) Nếu cặp sinh đôi này cùng bị bệnh máu khó đông thì em có thể khẳng định chắc chắn rằng là sinh đôi cùng trứng không? Giải thích?

TỔ CM DUYỆT

BGH DUYỆT

GV RA ĐỀ

Nguyễn Thị Hằng

Trịnh Thanh Hùng

Nguyễn Thị Nga

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Câu	Đáp án											Điểm
I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) (Mỗi ý đúng 0,25 điểm)												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
C	C	B	D	C	A	A	B	C	C	A	C	
II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)												
1 (1,0)	+ Hạn chế các hoạt động gây ô nhiễm môi trường. + Sử dụng hợp lí thuốc bảo vệ thực vật. + Đấu tranh chống sản xuất, sử dụng vũ khí hoá học, vũ khí hạt nhân. + Hạn chế kết hôn giữa những người có nguy cơ mang gen gây bệnh di truyền.											0,25 0,25 0,25 0,25
2 (1,0)	NST giới tính		NST thường									
	- Thường tồn tại 1 cặp trong TB lưỡng bội		- Thường tồn tại với số cặp lớn hơn 1 trong tế bào lưỡng bội								0,5	
	- Tồn tại thành từng cặp tương đồng (XX) hoặc không tương đồng (XY)		- Luôn tồn tại thành từng cặp tương đồng								0,25	
	- Chủ yếu mang gen qui định tính giới tính của cơ thể		- Chỉ mang gen qui định tính trạng thường của cơ thể								0,25	
3 (3,0)	a) Cơ chế hình thành thể dị bội có $(2n + 1)$ và $(2n - 1)$ NST: - Trong quá trình phát sinh giao tử, một cặp NST nào đó không phân li do đó sinh ra 2 loại giao tử (1 giao tử mang 2 NST của cặp, 1 giao tử không mang NST nào). - Sự thụ tinh kết hợp giữa giao tử mang cặp NST tương đồng kết hợp với giao tử chỉ mang 1 NST cho ra thể dị bội $(2n + 1)$. - Sự kết hợp giữa giao tử mang 1 NST với giao tử không mang NST nào cho ra thể dị bội $(2n - 1)$.											1 0,5 0,5
	b) * Tên gọi của 3 thể đột biến: - Thể đột biến A: cặp NST số 21 có 3 NST: $(2n + 1)$ NST \rightarrow thể 3 nhiễm - Thể đột biến B: cặp NST số 23 có 1 NST: $(2n - 1)$ NST \rightarrow thể 1 nhiễm - Thể đột biến C: cặp NST số 23 có 3 NST: $(2n + 1)$ NST \rightarrow thể 3 nhiễm * Số lượng bộ NST của 3 bệnh nhân: A = 47, B = 45, C = 47											0,25 0,25 0,25 0,25
5 (2,0)	a) Đây là trường hợp sinh đôi khác trứng. Vì nếu cùng trứng thì có cùng kiểu gen và sẽ cùng mắc bệnh hoặc cùng không mắc bệnh. b) Không vì có thể ngẫu nhiên bị mắc cùng 1 loại bệnh											1,0 1,0